

Số: /BC-VWTC

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN năm 2014

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- + Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700 647 458 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/4/2007; Sửa đổi lần 2 ngày 08/08/2011 .
- + Vốn điều lệ : 100 tỷ đồng.
- + Địa chỉ : 169 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh.
- + Điện thoại: 033 3518069 Fax: 033 3518059
- + Website: vantaithuytkv.vn
- + Mã cổ phiếu: WTC

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy – TKV (nay là Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN) được thành lập từ ngày 24/4/2007.
- Tháng 12 năm 2009, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.

**\* Tình hình hoạt động :**

- Năm 2007: Sau khi thành lập, Công ty nhanh chóng ổn định tổ chức và khẩn trương triển khai các hoạt động kinh doanh. Khi mới thành lập, chưa có phương tiện vận tải nhưng Công ty đã chủ động, tích cực thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.
- Năm 2008: Công ty đã đưa vào khai thác 1 đoàn Sà lan trọng tải 1700 Tấn và tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài để hoạt động.
- Năm 2009: Công ty đã đưa thêm 1 tàu vận tải biển trọng tải 3000DWT, cấp hạn chế 2 và 1 đoàn Sà lan vào hoạt động. Công ty vẫn tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2010: Công ty đưa thêm 2 tàu 3000DWT và 1 tàu 7000DWT vào khai thác. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2011: Công ty đưa thêm 1 tàu 7000DWT vào hoạt động. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2012: Công ty có tổng số 2 tàu 7000DWT, 3 tàu 3000 DWT, 2 đoàn sà lan đang khai thác. Tổng trọng tải là 26.600 Tấn phương tiện. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2013: Do sự cố đâm va, một tàu 3000 DWT của công ty bị tổn thất. Tổng số phương tiện khai thác trong năm là 2 tàu 7000 DWT, 2 tàu 3000 DWT và 2 đoàn sà lan. Công ty tiếp tục thuê thêm phương tiện bên ngoài để hoạt động.

- Năm 2014: Công ty tổ chức thuê 01 tàu Vinacomin 05 của Tập đoàn trọng tải 3000 DWT nên tổng số tàu năm 2014 của Công ty gồm: 2 tàu 7000 DWT; 3 tàu 3000 DWT; 2 đoàn sà lan trọng tải 1800 tấn. Tổng trọng tải khai thác là 26.600 tấn, Công ty tiếp tục thuê phương tiện bên ngoài tham gia hoạt động.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

+) Cơ cấu bộ máy quản lý



## 5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, chủ yếu vận tải bằng đường biển. Mặt khác Công ty là Công ty con trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, vì vậy mục tiêu chủ yếu của Công ty là phát triển đội tàu biển và sà lan đảm bảo đáp ứng 30% nhu cầu vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đi các tuyến Quốc tế và nội địa. Đồng thời, Công ty còn hướng tới việc mở rộng các hoạt động vận tải cho các đối tác bên ngoài và hoạt động kinh doanh thương mại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển đội tàu biển đủ mạnh, làm nòng cốt để thực hiện vận tải than và khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá bằng đường biển của nền kinh tế quốc dân.

## 6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Sự trì trệ của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, thị trường vận tải chưa có dấu hiệu khởi sắc.

- Sự biến động giá cả các nguyên liệu và dịch vụ đầu vào chủ yếu như xăng dầu, vật tư, nhân công sửa chữa thay thế ...

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014:

\* Kết quả năm 2014: do phải đối mặt với các khó khăn nêu trên, mặc dù Công ty đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp để thích ứng với tình hình, tăng cường công tác thị trường, quản trị chi phí, nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt yêu cầu, kết thúc năm còn lỗ 21,176 tỷ đồng (giảm so 2013 3,394 tỷ đồng).

#### • Tình hình thực hiện năm 2014:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ %
1	Tổng khối lượng vận chuyển (tấn)	1.730.600	1.493.680	86,31%
2	Tổng doanh thu (triệu đồng)	338.500	278.205	82,19%
3	Gia trị sản xuất (triệu đồng)	168.900	116.677	69,08%
4	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	0	(21.176)	

**Tổ chức và nhân sự: Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

TT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ		Trình độ		Ghi chú
					Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Chuyên môn	Chính trị	
1	<b>Vũ Văn Tâm</b>	08/4/1962	Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng	Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Giám đốc Công ty	16/ 4/ 2010	- Kỹ sư điều khiển tàu biển (chính quy) - Kỹ sư quản trị doanh nghiệp	Cao cấp Lý luận Chính trị	
2	<b>Trần Vũ Bình</b>	03/12/1956	Đông Giang, Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Phường Cẩm Trung, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Phó giám đốc công ty	16/ 7/ 2007	- Cử nhân Kinh tế lao động (tại chức) - Kỹ sư Kinh tế vận tải biển (tại chức)	Cao cấp Lý luận Chính trị	
3	<b>Trần Viết Viện</b>	20/2/1961	Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà Tây	Số 25, Đường 9, Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Phó giám đốc công ty	01/ 8/ 2007	- Kỹ sư Khai thác máy tàu biển (chính quy)	Cao cấp Lý luận Chính trị	
4	<b>Phạm Thị Thu Hà</b>	20/7/1972	Tràng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Kế toán trưởng công ty	16/ 4/ 2007	- Cử nhân Tài chính - Tín dụng (Chính quy)	Cao cấp Lý luận Chính trị	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có
- Tổng số lượng CBCNV đến 31/12/2014: 169 người
  - + Trong đó: Gián tiếp : 41 người
  - Trực tiếp : 128 người.

Chính sách đối với người lao động: Thực hiện trả lương, thưởng theo quy chế quản lý lao động và tiền lương của Công ty. Do khó khăn về tài chính nên các khoản tiền lương trong năm 2014 thường xuyên thanh toán chậm từ 1 đến 2 tháng. Trong năm 2014 toàn bộ CBCNV không có thưởng kể cả thưởng trong lương. Hàng tháng người lao động được thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản lương, thưởng. Đối với nhân viên văn phòng được hưởng chế độ ăn giữa ca, đối với người lao động trên các đoàn phương tiện được hưởng chế độ ăn định lượng theo quy định. Hàng năm người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Đối với các thuyền viên được khám sức khỏe chuyên ngành hàng hải. Công ty cũng đã xây dựng Quy chế trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân áp dụng cho CBCNV trong toàn Công ty. Chế độ thưởng được áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

**2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:** Trong năm 2014 Công ty không có các khoản đầu tư

**3. Tình hình tài chính:**

a) *Tình hình tài chính:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	441.502	410.555	- 7,01%
2	Doanh thu thuần	312.544	276.409	- 11,56%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(25.290)	(21.518)	14,91%
4	Lợi nhuận khác	719	374	- 47,98%
5	Lợi nhuận trước thuế ( triệu đồng)	(24.570)	(21.145)	13,94%
6	Lợi nhuận sau thuế ( triệu đồng)	(24.570)	(21.176)	13,81%

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	-Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,44	0,34	
	-Hệ số thanh toán nhanh	0,32	0,21	

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	-Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,03	1,09	
	-Hệ số Nợ/Vốn chủ SH	1,03	1,09	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	-Vòng quay hàng tồn kho	37,09	24,01	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	-	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	-Hệ số LNST/Doanh thu thuần	-	-	
	-Hệ số LNST/ Vốn CSH	-	-	
	-Hệ số LNST/Tổng tài sản	-	-	
	- Hệ số LN từ HĐKD/D thu thuần	-	-	

## 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.283.200 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 7.716.800 cổ phần
- Thị trường giao dịch: UPCOM

### b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Tập đoàn CN than – khoáng sản Việt Nam: 7.645.222 cổ phần, chiếm 76,45%
- Cổ đông cá nhân: 2.354.778 cổ phần, chiếm 23,55%.

### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

### d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### e. Các chứng khoán khác: Không có.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS): 0%; Tỷ suất sinh lợi/tổng vốn đầu tư: 0%; Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (ROE) : 0%, Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA): 0%; Hệ số khả năng thanh toán: 0,34 lần.

- Phân tích những biến động những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 Công ty vẫn tiếp tục thua lỗ.

- Giá trị tài sản theo sổ sách tại thời điểm 31/12/2014: **410.555.115.346** đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Trong năm 2013 không thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp. Hiện tại như sau :

+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam hiện sở hữu 7.645.222 cổ phần;

+ Cổ đông cá nhân là 2.354.778 cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: (Không có)

(Theo từng loại: trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó : Cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (Không có)

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện 2013	% so KH 2014	% so TH 2013
1. Tổng khối lượng vận chuyển		1.730.600	1.493.680	2.508.099	86,31	57,40%
- Vận tải tàu biển	Tấn	719.600	487.147	551.910	67,7	88,26%
- Vận tải sông (sà lan)		161.000	125.379	148.922	77,88	84,19%
- Thuê tàu ngoài		850.000	881.154	1.807.267	103,67	48,75%
2. Giá trị sản xuất	Triệu đồng	168.900	116.677	139.988	69,08	86,0
3. Tổng doanh thu	Triệu đồng	338.500	278.239	314.999	82,19	117,5
4. Lợi nhuận	Triệu đồng		- 21.145	- 24.570		
5. Lao động, thu nhập:						
- Lao động BQ:	Người	173	169	165	97,69	102,4
- Thu nhập BQ:	Triệu đồng	8.862	7.878	8.256	88,90	95,4



## 2.1 Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện sản xuất năm 2014:

### a. Thuận lợi:

Năm 2014, Công ty đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ, chỉ đạo và giải pháp điều hành của Tập đoàn, cụ thể như:

- Hội đồng thành viên Tập đoàn đã thông qua phương án cho vay lãi suất bằng 0% đối với khoản vay để trả nợ ngân hàng đối với hai con tàu 7.000 DWT VINACOMIN Hà Nội; VINACOMIN Hạ Long.

- Đồng ý cho tạm ứng trước tiền hàng vào đầu mỗi tháng, hiệu lực đến ngày 31/12/2014.

- Tập đoàn ban hành công văn 3706/TKV – KH – TTN ngày 07/7/2014 về các giải pháp nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đội tàu của TKV;

- Ngoài ra có rất nhiều chỉ đạo đối với các đơn vị có liên quan trong việc phối hợp, tác nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### b. Khó khăn:

- Hoạt động kinh doanh công ty năm 2013 tiếp tục bị lỗ: -24,570 tỷ đồng (Lỗ lũy kế đến 31/12/2013 là 119,146 tỷ đồng, dẫn đến mất hoàn toàn vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu: - 14,748 tỷ đồng). Tất cả các ngân hàng và tổ chức tín dụng không tiếp tục ký mới hợp đồng tín dụng cho vay vốn lưu động trong quý I năm 2014. Đã làm cho tình hình tài chính của công ty càng khó khăn trầm trọng hơn. Khả năng thanh toán của công ty trong quý I năm 2014 rất thấp.

- Năm 2014, do có sự thay đổi qui định về tiêu thụ than trong nước nên từ đầu năm 2014 trở đi Công ty sẽ không còn được đảm nhận việc làm đầu mối vận chuyển than từ Quảng Ninh đi khu vực Hải Dương, Hải Phòng để giao cho các đơn vị kinh doanh cuối nguồn như những năm trước đây.

## 2.2 Kết quả thực hiện:

Tuy nhiên, được sự quan tâm tạo điều kiện của Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban của Tập đoàn và các đơn vị trong Tập đoàn nên nhìn chung trong năm 2014 Công ty đã thực hiện hợp đồng PHKD đã ký với các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

\* Tổng khối lượng vận chuyển đạt: 1.493.680 tấn = 86,31% KH và 138,38% TH năm 2013.

\* Doanh thu: 78.205 triệu đồng = 82,19 % KH và 117,45 % TH năm 2013.

\* Giá trị sản xuất: 116.677 triệu đồng = 69,08 % KH và 85,98% TH năm 2013.

\* Lợi nhuận trước thuế (lỗ): - 21.176 triệu đồng (Không đảm bảo cân bằng theo hợp đồng phối hợp kinh doanh nhưng giảm lỗ 3.394 triệu đồng so với thực hiện năm 2013).

\* Tiền lương bình quân cho người lao động : 7.878.000 đ/ người – tháng = 88,90% KH và = 95.42% TH năm 2013.

2.3 Nguyên nhân không hoàn thành Kế hoạch so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014:

a. Đối với đội tàu biển:

- Nhu cầu bán than của TKV cho các nhà máy xi măng giảm so với các năm trước đây (đặc biệt là Công ty xi măng Luks không nhận than của Tập đoàn, Công ty xi măng Nghi Sơn giảm sản lượng mua so với năm 2013 do ngoài mua than của TKV, họ còn mua thêm than của Tổng công ty Đông Bắc).

- Việc tiếp nhận và dỡ than tại cảng dỡ hàng của các hộ xi măng chậm, các tàu phải neo chờ đợi nhiều ngày tại cảng dỡ hàng (nhất là tại cảng Nghi Sơn và cảng Hòn La.....). Đặc biệt là trong thời gian vừa qua, việc kiểm tra tải trọng của các xe ô tô vận tải trên các tuyến đường bộ đã ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ dỡ hàng than của các tàu tại cảng Hòn La. Theo kế hoạch trung bình mỗi tháng tàu 3.000 DWT vận chuyển tối thiểu được 3 chuyến nhưng thực tế chỉ thực hiện được 02 chuyến.

- Do các tàu phải lên đà sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất nhiều ngày nên giảm năng lực vận tải, giảm sản lượng, doanh thu, tăng chi phí. Cụ thể như sau:

+ Tàu VINACOMIN 02 bị sự cố hệ trục chân vịt phải lên đà sửa chữa tại Cần Thơ từ ngày 05/3 đến 24/3/ 2014 (20 ngày).

+ Tàu VINACOMIN HALONG cũng phải lên đà sửa chữa tại Công ty sửa chữa tàu biển Phà Rừng từ ngày 08/3/2014 đến 11/4/2014 (34 ngày).

+ Tàu VINACOMIN 05 bị sự cố hệ bạc trục chân vịt phải lên đà sửa chữa tại Hải Phòng từ 16/8/2014 đến 10/9/2014 (25 ngày).

+ Tàu VINACOMIN HÀ NỘI bị sự cố nồi hơi kinh tế, phải dừng lại trên biển nhiều lần để khắc phục tạm thời và phải dừng khai thác trên 10 ngày năm 2014 để thay mới.

- Thời tiết không thuận lợi: Mưa liên tục nhiều ngày, gió mùa Đông Bắc kéo dài đã ảnh hưởng đến thời gian làm hàng tại các cảng và hành trình trên biển của các tàu.

- Đặc biệt do nhu cầu vận chuyển than cung cấp cho Công ty xi Măng Tây Ninh giảm, nhu cầu hàng tháng của khách hàng chỉ khoảng 10.000 tấn/tháng, không đủ đáp ứng khả năng của một tàu trong tháng đã ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác của 2 tàu VINACOMIN HÀ NỘI và VINACOMIN HẠ LONG. Các tàu trên đã buộc phải vận chuyển than tuyến ngắn đi Nghi Sơn và Hòn La với thời gian chờ đợi nhiều và doanh thu mỗi chuyến rất thấp. Đồng thời không thể khai thác hàng chiều về từ Vũng Tàu hoặc Thái Lan, Malaysia về Hải Phòng hoặc Nam Trung Quốc như những năm trước đây. Mặc dù Tập đoàn đã rất quan tâm và tạo điều kiện để các tàu trên tham gia vận chuyển than cung cấp cho nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2. Tuy nhiên sau khi thực hiện được 6 chuyến thì phía người mua

than (Ban quản lý dự án nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Tổng công ty phát điện 3) đã từ chối và không chấp nhận cho các tàu trên tham gia vận chuyển nữa. Nên doanh thu của các tàu trên rất thấp so với cùng kỳ và phát sinh lỗ tương đối lớn đối với 2 tàu này (năm 2014, 2 tàu trên vẫn bị lỗ khoảng 12.573 triệu đồng – chưa kể phân bổ chi phí quản lý và không phải trả lãi vay ngân hàng như những năm trước; Nếu kể cả phân bổ chi phí quản lý thì 2 tàu trên bị lỗ khoảng 15.980 triệu đồng).

b. Đối với đoàn sà lan:

- Các đoàn sà lan đầu đẩy phải lên đà sửa chữa định kỳ dài ngày nên giảm năng lực vận tải, giảm sản lượng, giảm doanh thu, tăng chi phí. Cụ thể : Đoàn sà lan đầu đẩy TKV 01 lên đà sửa chữa định kỳ tại Công ty cơ khí đóng tàu – VINACOMIN từ ngày 28/12/2013 đến 14/02/2014 (48 ngày); Đoàn sà lan tàu đẩy TKV 03 lên đà sửa chữa từ 25/11/2014 đến hết năm 2014

- Các đoàn sà lan phải chờ đợi tại cảng xếp hàng nhiều ngày do nguồn than tại khu vực Hòn Gai cung cấp cho các hộ xi măng và nhiệt điện trong 9 tháng đầu năm không sản xuất kịp hoặc độ ẩm quá cao. Dẫn đến giảm số chuyến bình quân mỗi tháng, giảm sản lượng, giảm doanh thu. (Trung bình mỗi sà lan chỉ vận chuyển được khoảng 3 chuyến / tháng so với KH là 4 chuyến / tháng ).

c. Thuê ngoài vận chuyển: Mặc dù, khối lượng vận chuyển thuê ngoài vẫn đạt kế hoạch đề ra nhưng Doanh thu và giá trị sản xuất chưa đạt kế hoạch là do :

- Nhu cầu mua than của TKV của các nhà máy xi măng vận chuyển bằng đường biển giảm so với các năm trước đây nhưng năng lực đội tàu TKV lại tăng trong năm 2014 (các tàu VINACOMIN 05, VINACOMIN 06, VINACOMIN 07 và VINACOMIN CẨM PHẢ). Nhu cầu vận chuyển than của TKV cho các hộ trên được ưu tiên dành cho đội tàu của TKV vận chuyển, phần còn lại mới thuê ngoài nên sản lượng thuê ngoài vận chuyển cho các hộ trên giảm hơn so với mọi năm.

- Tuy nhiên, được sự quan tâm của TKV đã giao thêm sản lượng vận chuyển cho các hộ tiêu thụ than vận chuyển bằng đường sông nên sản lượng vận chuyển thuê ngoài vẫn đảm bảo nhưng Doanh thu, Giá trị sản xuất thì không đạt do Giá cước, chênh lệch giá cước của tuyến đường sông thấp hơn rất nhiều so với đường biển. Sản lượng vận chuyển đạt 103,65% KH, Doanh thu đạt 92,26% KH và Giá trị sản xuất đạt 80,08% KH.

d. Các nguyên nhân khác:

- Dự án đầu tư: Các tàu biển nói trên được đầu tư đóng mới trong giai đoạn 2007 – 2008 giai đoạn kinh tế phát triển nóng, nhu cầu ảo về đóng mới tàu tăng cao trong khi chi phí nguyên nhiên vật liệu, máy móc thiết bị, lãi suất ngân hàng phục vụ việc đóng tàu giai đoạn đó lên rất cao dẫn tới giá trị đầu tư đóng mới các con tàu nói trên là rất cao. Giá trị đầu tư cao dẫn tới chi phí khấu hao cao, chi phí lãi vay cao.

- Suy thoái kinh tế: Đóng mới trong giai đoạn phát triển nóng nhưng đến khi đưa vào khai thác (giai đoạn 2009 đến nay) nền kinh tế rơi vào khủng hoảng

và suy thoái, nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh dẫn đến dư thừa một lượng tàu biển lớn, cạnh tranh về giá vận chuyển diễn ra khốc liệt.

- Chất lượng tàu đóng mới: Toàn bộ các con tàu đều được đóng mới tại các đơn vị cơ khí trong TKV, chất lượng đóng mới, trang thiết bị lắp đặt trên tàu (cầu tàu) chưa đảm bảo dẫn đến sự cố xảy ra nhiều, phải dừng tàu để khắc phục, sửa chữa lâu, ảnh hưởng đến thời gian khai thác và vận hành.

- Nguyên nhân từ quản lý điều hành của Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin:

+ Định mức tiêu hao nhiên liệu mặc dù đã thấp hơn định mức quy định tại Catalouge nhưng nếu so sánh với tàu trọng tải tương đương do đơn vị khách quản lý vẫn còn cao.

+ Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn trong thời gian dài từ năm 2010 đến nay, khả năng thanh toán kịp thời cho khách hàng thấp, thường xuyên nợ quá hạn các khách hàng, ảnh hưởng nhiều đến khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp dịch vụ thuê ngoài... một số khách hàng đã chuyển sang sử dụng dịch vụ của đơn vị khác.

+ Việc quan hệ với các chủ hàng còn thụ động, chưa làm tốt công tác marketing, vẫn còn tư tưởng phụ thuộc vào chỉ đạo của TKV.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Trong năm 2014 Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi tiêu, giảm chi phí kinh doanh như áp dụng giảm định mức nhiên liệu, cắt giảm lương của các viên chức quản lý và toàn bộ người lao động v.v...

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :**

Năm 2015 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng vận chuyển truyền thống cho Tập đoàn CN than – Khoáng sản Việt nam. Công ty sẽ chủ động hơn trong kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải bằng đường biển nội địa. Dự kiến trong năm nay và những năm tới một số nhà máy điện sẽ đi vào hoạt động (Vĩnh Tân 1, Vĩnh tân 2, Vũng áng...) Nhu cầu tiêu thụ than của mỗi Nhà máy từ 3 đến 4 triệu tấn/năm. Năm 2015, Tập đoàn đưa nhà máy luyện Nhôm Nhân cơ chính thức vào hoạt động. Tinh quặng nhôm của Nhà máy sẽ được xuất khẩu sang Trung quốc. Vì vậy chiến lược phát triển trong tương lai của Công ty là làm đầu mối vận tải than từ Quảng Ninh đi các thị trường nội địa và Quốc tế, vận tải tinh quặng nhôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, nhập khẩu thiết bị vật tư phục vụ khai thác và luyện nhôm cho các Nhà máy...

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014, do phải đối mặt với các khó khăn nêu trên, mặc dù Công ty đã có nhiều cố gắng, tìm các biện pháp để thích ứng với tình hình, tăng cường công

tác thị trường, quản trị chi phí, nhưng kết quả sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt yêu cầu, kết thúc năm còn lỗ 21,176 tỷ đồng (giảm so 2013 là 3,394 tỷ đồng).

\* Kết quả thực hiện:

- Tổng khối lượng vận chuyển đạt: 1.493.680 tấn = 86,31% KH .
- Doanh thu: 278.205 triệu đồng = 82,19 % KH.
- Giá trị sản xuất: 116.677 triệu đồng = 69,08 % KH.
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ): - 21.176 triệu đồng (Không đảm bảo cân bằng theo hợp đồng phối hợp kinh doanh nhưng giảm lỗ 3.394 triệu đồng so với thực hiện năm 2013).
- Tiền lương bình quân cho người lao động: 7.878.000 đ/ người/tháng.

## **V. Quản trị Công ty:**

### **1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát :**

1.1 Thành viên và cơ cấu của HDQT: Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014, gồm 3 thành viên, cơ cấu thành viên HDQT gồm:

- Ông Ngô Văn Tám                      Chủ tịch HDQT
- Ông Vũ Văn Tâm                      Ủy viên HDQT
- Ông Trần Vũ Bình                      Ủy viên HDQT

1.2 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát :

- Ông Phạm Xuân Vinh                      Trưởng BKS
- Ông Vũ Vgọc Cảnh                      Ủy viên
- Bà Trần Thị Lệ                              Ủy viên

### **2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2 được Đại hội đồng cổ đông sáng lập bầu ra gồm 3 thành viên, với chức năng quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngay từ đầu năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Tuy nhiên, do nền kinh tế chưa hồi phục, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các công ty con. Với việc TCT Đông Bắc tách khỏi Tập đoàn từ 01/01/2014, để phù hợp với điều kiện có nhiều đơn vị cùng hoạt động sản xuất, kinh doanh than, Tập đoàn không tiếp tục giao Công ty đảm nhận làm đầu mối vận chuyển than từ Quảng Ninh đi khu vực Hải Phòng, Hải Dương. Đồng

thời có nhiều nguồn than khác cạnh tranh với than của Tập đoàn tại thị trường trong nước, dẫn đến khối lượng than TKV bán cho một số khách hàng, nhất là các hộ xi măng giảm mạnh so với năm 2013.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng với sự cố gắng của toàn Công ty và sự hỗ trợ của Tập đoàn, của các đơn vị liên qua trong Tập đoàn và bạn hàng, năm 2014 hoạt động của Công ty đã giảm lỗ so với năm 2013 được 3,394 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được 6 cuộc họp, ban hành 8 Nghị quyết, 8 Quyết định và một số các văn bản khác để thông qua các nội dung chủ yếu như:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Phê duyệt sửa đổi Điều lệ Công ty.
- Phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.
- Phê duyệt phương án huy động vốn ngắn hạn.
- Phê duyệt quy chế giám sát tài chính.
- Phê duyệt quy chế quản lý nợ.
- Phê duyệt quy chế quản lý lao động và tiền lương.
- Phê duyệt quy chế khen thưởng phúc lợi.
- Phê duyệt quy chế thi đua khen thưởng.
- Phê duyệt quy chế dân chủ cơ sở.
- Phê duyệt quy chế đối thoại tại nơi làm việc.
- Phê duyệt phương án thuê tàu VINACOMIN Cẩm Phả, trọng tải 8800 DWT của Tập đoàn.
- Phê duyệt phương án trả lương các Viên chức quản lý Công ty.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của Công ty.

HĐQT, các thành viên HĐQT, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **3. Hoạt động của ban Kiểm soát :**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty đã được qui định tại điều 123 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định:

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN trong năm 2014 cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị chi phí, quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết hội đồng quản trị. Quyết định, Quy chế, Quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.

- Thường xuyên kiểm soát các hoạt động của Công ty thông qua kế hoạch, chương trình công tác của ban, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua nghị quyết các kỳ họp của HĐQT và quá trình triển khai thực hiện của Giám đốc điều hành, trong tất cả các lĩnh vực thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, các mặt quản lý khác của Công ty như: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, với Tập đoàn, thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cổ đông mà Điều lệ Công ty đã quy định.

- Giám sát công tác điều hành và triển khai thực hiện của Ban Giám đốc thông qua việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty và Giám đốc Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt nam.

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập là Cty TNHH BDO Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

#### **4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT:**

\* Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị năm 2014:

- Ông Ngô Văn Tám: 27.490.000 đồng
- Ông Vũ Văn Tâm : 23.391.000 đồng
- Ông Trần Vũ Bình : 23.391.000 đồng

\* Các lợi ích khác :

Các thành viên hội đồng quản trị được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí khác mà thành viên đó bỏ ra khi thực hiện chức trách và nhiệm vụ của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 2014:**

\* Thù lao của Ban kiểm soát :

- Ông Phạm Xuân Vinh : 23.391.000 đồng
- Ông Vũ Ngọc Cảnh: 22.024.000 đồng
- Bà Trần Thị Lệ: 22.024.000 đồng

Các lợi ích khác :

Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **6. Thù lao và các lợi ích khác Giám đốc điều hành:**

- Tổng tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc điều hành năm 2014:

+ Ông Vũ Văn Tâm: 246.814.000 đồng

Các lợi ích khác: Được thanh toán tiền chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí hợp lý khác khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 3/3 thành viên HĐQT; 3/3 Ban kiểm soát; 2/3 thành viên Ban giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2013 :

Ông Ngô Văn Tám: 5.000 cổ phần; chiếm 0,005%

Ông Vũ Văn Tâm: 8.400 cổ phần; chiếm 0,084%

Ông Trần Vũ Bình: 22.032 cổ phần; chiếm 0,220%

- Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT năm 2014: Không.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn của công ty của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

### **VI. Báo cáo tài chính:**

#### **1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán BDO

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

#### **2. Các nhận xét đặc biệt:**

*Không nhằm mục đích phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: khoản lỗ lũy kế của đơn vị tại thời điểm 31/12/2014 là 140.321.850.903 đồng vượt quá nguồn vốn kinh doanh của công ty 40.321.850.903 đồng và cũng*



tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 55.897.226.367 đồng. Những điều kiện này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.

**3. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Nội dung chi tiết kèm theo).**

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban chứng khoán NN;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Tâm**